TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 322 /2020/QĐST-HNGĐ	*Sơn Dương, ngày 18 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 300/2020/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Chị Vi Thị Q, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. ***Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa***: Anh Nguyễn Văn T. và chị Vi Thị Q.

2. ***Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:***

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 02/8/2014 cho chị Vi Thị Q. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn T. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2020 cho đến khi cháu Nam đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ theo tháng. Anh Nguyễn Văn T. có quyền đi lại thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Khoản tiền phải cấp dưỡng, kể từ ngày chị Q. có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn T. phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng. Tổng cộng là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003547 ngày 26/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Văn T. đã nộp đủ án phí.

Chị Vi Thị Q. không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

" *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"*.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *Toà án ND tỉnh;*
- *VKSND huyện; tỉnh;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND xã P;*
- *UBND xã H;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Tạ Hồng Chiến